

Bản án số: 34/2020/HS-ST
Ngày 18-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Lầu - Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu

Ông Đàm Thế Dũng - Nghề nghiệp hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Mã Hùng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với:

Bị cáo **Nông Văn K**, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2002.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, xã Đ, huyện L, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nông Văn N, sinh năm 1978 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1977; Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 2002; Con: Chưa có.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó là tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 15/10/2020 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

- Ông Lù Văn T, sinh ngày 07/12/2003; Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện L, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Triệu Văn Q, sinh ngày 12/6/2004; Nơi cư trú: Xóm P, xã B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người đại diện theo pháp luật đồng thời là người bảo vệ quyền và**

lợi ích hợp pháp của bị hại Triệu Văn Q là: Ông Triệu Văn M, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Xóm P, xã B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

** Người đại diện theo pháp luật đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lù Văn T là: Ông Lù Văn N, sinh năm 1976 và bà Triệu Thị M, sinh năm 1981; Cùng nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện L, tỉnh Cao Bằng.*

Bà Triệu Thị M ủy quyền cho ông Lù Văn N tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại T.

Ông Lù Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phan Văn T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm C, xã P, huyện B tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do).

- Ông Đinh Văn K, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Lương Văn B, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Xóm S, xã P, huyện B tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do).

** Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thảo - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 05/10/2020, Nông Văn K đến phòng trọ của Lù Văn T tại tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng để lấy quần áo mà K để lại trước đó. Do cửa không khóa nên K đi vào phòng, thấy T và những người khác đang ngủ say, lúc đó K nhìn thấy 02 (Hai) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y11 đang đặt ở trên giường nên K nảy sinh ý định trộm cắp. K lại gần lấy điện thoại đút vào túi quần đi ra khỏi phòng đến khu vực chợ trung tâm thị trấn B tìm quán sửa chữa điện thoại để phá mặt khẩu màn hình. Đến tổ dân phố 3, thị trấn B, K vào cửa hàng điện thoại Thế giới số 24h gặp và thuê anh Lương Văn B là chủ cửa hàng, phá khóa màn hình điện thoại VIVO Y11 của Lù Văn T với số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và sau đó đi đến Siêu thị mini thuộc tổ dân phố 6, thị trấn B gặp và thuê anh Đinh Văn K là chủ cửa hàng, phá khóa mặt khẩu màn hình điện thoại VIVO Y11 của Triệu Văn Q (bạn cùng phòng trọ của T) với số tiền là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, K gặp anh rể họ của mình là Phan Văn T đang đi mua đồ dùng cho gia đình tại chợ thị trấn B nên đã nhờ T chở đi lấy điện

thoại và mượn T 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để trả tiền phá khóa 02 (Hai) điện thoại trộm được. Sau khi lấy được điện thoại, do thích sử dụng điện thoại VIVO Y11 của Kiên nên T đề nghị đổi điện thoại OPPO màu vàng của mình lấy điện thoại VIVO Y11 màu xanh nhạt và K đồng ý. Đồng thời, do trước đó K nợ T số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) nên T hỏi mua điện thoại VIVO Y11 màu xanh đậm để trừ nợ, sau khi thỏa thuận K đồng ý bán cho T với số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Chiếc điện thoại trên sau đó T bán lại cho mẹ đẻ là bà Hoàng Thị P với số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Ngày 16/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng ra yêu cầu định giá tài sản số 15 gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Tài sản định giá là: 01 điện thoại di động VIVO Y11, màu xanh nhạt, số Imeil 1: 868613049472278, số Imeil 2: 868613049472260 và 01 điện thoại di động VIVO Y11, màu xanh đậm, số Imeil 1: 861325041148494, số Imeil 2: 861325041148486. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐGTS ngày 19/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng kết luận: Điện thoại di động VIVO Y11 màu xanh đậm có giá trị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), điện thoại di động VIVO Y11 màu xanh nhạt có giá trị là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng giá trị 02 (Hai) điện thoại là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Văn K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại cơ quan điều tra ông Lù Văn T và ông Triệu Văn Q trình bày: Khoảng 06 giờ ngày 05/10/2020 khi ngủ dậy, các ông phát hiện bị mất điện thoại. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày ông T đến cửa hàng điện thoại tại tổ dân phố 11, thị trấn B xem lại camera của cửa hàng, ông phát hiện K đã đem chiếc điện thoại của ông đi phá khóa tại đây. Sáng ngày 06/10/2020 ông và Q đến cơ quan Công an để trình báo về sự việc. Hiện nay các ông đã nhận lại được tài sản và yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ông Triệu Văn M trình bày: Ông là bố đẻ của Triệu Văn Qt, Q gọi điện thoại cho ông nói là bị mất trộm điện thoại. Điện thoại của Q là điện thoại nhãn hiệu VIVO, màu xanh nhạt do ông mua cho Q vào tháng 7/2020 với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Hiện nay Q đã được trả lại điện thoại, ông yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra ông Lù Văn N trình bày: Ông là bố đẻ của Lù Văn T, ông biết T bị mất một điện thoại ViVo Y11, màu xanh đậm là do ngày 05/10/2020 T gọi điện về nhà thông báo cho gia đình. Chiếc điện thoại con trai ông mất là điện thoại mua vào tháng 02/2020 tại một cửa hàng điện thoại ở thị trấn B. Tiền mua điện thoại là của ông đưa cho T 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Hiện nay T đã được trả lại điện thoại, ông yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra ông Phan Văn T trình bày: Khoảng 09 giờ ngày 05/10/2020, ông gặp Nông Văn K tại cầu ngay chợ thị trấn B, K nhờ ông chở đến cửa hàng điện thoại siêu thị mini ở thị trấn B và K có mượn ông số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để lấy điện thoại. Sau đó ông chở K quay lại cầu, K đi đâu ông không rõ, khoảng năm phút sau K quay lại và cầm hai chiếc điện thoại trên tay, ông không biết vì sao K có hai chiếc điện thoại này. Ông muốn đổi điện thoại của ông lấy điện thoại màu xanh nhạt của K, còn điện thoại màu xanh đậm thì ông mua lại với K, K đồng ý. Điện thoại màu xanh đậm ông mua với K với số tiền là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Ông yêu cầu bị cáo bồi thường 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho ông và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra ông Đinh Văn K và ông Lương Văn B trình bày: Sau khi được cán bộ Công an cho xem bản ảnh đối tượng, các ông thừa nhận vào ngày 05/10/2020 Kiên có đến cửa hàng của các ông, yêu cầu phá khóa màn hình. Tại cửa hàng ông K nhận phá khóa màn hình với số tiền phí là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Tại cửa hàng ông B nhận phá khóa màn hình với số tiền phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Các ông không biết chiếc điện thoại được phá khóa là do K trộm cắp mà có.

Tại cơ quan điều tra bà Hoàng Thị Phùng trình bày: Vào ngày 06/10/2020 Bà có mua lại với con trai ruột là Phan Văn T một chiếc điện thoại cảm ứng màu xanh với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thiệu không nói nguồn gốc của điện thoại và bà cũng không hỏi, thấy giá cả hợp lý thì bà mua. Nếu biết đó là điện thoại do trộm cắp mà có thì bà đã không mua lại. Hiện nay, Công an đã thu lại điện thoại này, nhưng T đã trả lại cho bà số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên bà không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số: 37/CT-VKSBL ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn K về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nông Văn K theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nông Văn Kiên phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Vật chứng của vụ án đã trả lại cho các bị hại, bị hại không yêu cầu gì khác nên không xem xét. Ông T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền mua điện thoại. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho ông T.

* Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo bà Nguyễn Thị T trình bày: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, người bào chữa nhất trí với tội danh truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các yếu tố sau: Bị cáo không có sự chuẩn bị trước về động cơ mục đích phạm tội, nhất thời bộc phát khi thấy tài sản của bị hại không được bảo quản. Tài sản hiện nay đã trả lại cho bị hại. Bị cáo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã hối hận về hành vi của mình, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới khung, thấp nhất mà điều luật quy định.

Bị cáo Nông Văn K thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nông Văn K thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Ngày 05/10/2020 bị cáo đã lén lút, chiếm đoạt tài sản của bị hại; Hội đồng định giá xác định giá trị của 02 (Hai) điện thoại là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03

năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:..."

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nông Văn về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nông Văn K sinh ra và lớn lên tại xã Đ, huyện L, tỉnh Cao Bằng, đi học đến lớp 11 thì bỏ học. Bị cáo là người có sức khỏe, sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không tu dưỡng rèn luyện đạo đức, mà lại lệ thuộc vào chất ma túy nên dẫn thân vào con đường phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai nhưng vẫn bất chấp thực hiện.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền ông T mua điện thoại với bị cáo. Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là chính đáng và cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Nông Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn K 06 (Sáu) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 15/10/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Nông Văn K phải bồi thường cho ông Phan Văn T số tiền

là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, có mặt ông M; Vắng mặt: ông Th, ông Q, ông N, ông T, ông Kh, ông B, bà P. Bị cáo và ông M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Th, ông Q, ông N, ông T, ông Kh, ông B, bà P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THÙY NGÂN

